

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 53/2023/DS-PT

Ngày: 09-02-2023

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đạt**

*Các Thẩm phán:* Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Thanh Nhân**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Đương Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 356/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Lê Thị Yên Nh, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp TH, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Nguyễn Duy C, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp MT, xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

*- Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp QT, xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn Tr:* Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: 19/8A, đường LTHG, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp QT, xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Văn Tr.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Yến Nh trình bày:* Do chỗ quen biết với nhau nên tôi có cho ông Lê Văn Tr và bà Trần Thị Thanh T vay mượn hai lần tiền như sau:

- Lần 1: Ngày 22/3/2021, mượn số tiền là 165.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 25/4/2021, mượn số tiền là 70.000.000 đồng.

Với lãi suất thỏa thuận miệng 20%/năm thể hiện bằng giấy vay mượn, từ khi mượn cho đến nay anh Tr chị T vẫn không đóng lãi, tôi có đến để đòi tiền nhiều lần thì anh Tr có hứa sẽ bán đất trả nợ cho tôi, nhưng đến nay vợ chồng anh Tr, chị T cứ hẹn lần lựa không chịu trả tiền gốc và lãi cho tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án thị xã Cai Lậy xem xét giải quyết buộc anh Tr, chị T có trách nhiệm liên đới trả lại cho tôi số tiền 235.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi gồm:

- Tính lãi suất từ ngày 22/3/2021 tạm tính với số tiền: 165.000.000 đồng x 20%/năm x 11 tháng = 30.120.000 đồng.

- Tính lãi suất từ ngày 25/4/2021 tạm tính với số tiền: 70.000.000 đồng x 20%/năm x 10 tháng = 11.620.000 đồng

Yêu cầu bà Trần Thị Thanh T và ông Lê Văn Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền vay và tiền lãi tổng cộng là 276.740.000 đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn ông Lê Văn Tr trình bày:* Số tiền nợ bà Nhi là do chị T mượn riêng, ông không có biết và ông không có mượn tiền của bà Nhi, nên ông không có nghĩa vụ phải trả cho bà Thùy.

*Bị đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:* Bà T thừa nhận có mượn của bà Nhi và viết biên nhận với số tiền 235.000.000 đồng như bà Nh trình bày và yêu cầu trả cho bà Nh là đúng, bà cũng đồng ý cùng với chồng là ông Tr trả số tiền và nợ của bà Nh. Bà cũng trình bày số tiền mượn là để lo cho gia đình và lo cho các con ăn học. Bà sẽ trả tiền cho bà Nh khi bà bán được đất.

*Người đại diện theo ủy quyền Nguyễn Thanh H1 trình bày:* do quan hệ quen biết với nhau nên chị Nhi mới cho vợ chồng chị T mượn số tiền nói trên, thời gian nợ đã lâu nên yêu cầu vợ chồng T, Tr phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nh số tiền vay là 235.000.000 đồng và tiền lãi 20%/ năm đến ngày xét xử sơ thẩm, khi án hiệu lực pháp luật.

*Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:* Không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn vì ông không ký tên hay trực tiếp mượn tiền của nguyên đơn, chị T là người ký mượn tiền thì chị T có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nh.

*Bị đơn Trần Thị Thanh T trình bày:* Đồng ý trả nợ cho chị Nh và yêu cầu ông Tr phải có nghĩa vụ liên đới thực hiện việc trả nợ cùng với tôi vì số tiền vay mượn tôi đều nói cho ông Tr biết, số tiền trên tôi dùng để trả nợ cho ông Tr, chăm lo cho gia đình và đầu tư vào trồng cây nuôi bò, trên diện tích đất của vợ chồng tôi trong thời gian qua.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điều 24, 25 và 26, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Yến Nh, buộc bà Trần Thị Thanh T và ông Lê Văn Tr phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Yến Nh số tiền vay là 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 32.577.500 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm bảy bảy ngàn năm trăm đồng). Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/9/2022, bị đơn Lê Văn Tr có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: xem xét lại toàn bộ các tài liệu chứng cứ và nội dung vụ kiện, tuyên xử theo hướng chỉ buộc một mình chị Trần Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Yến Nh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn Lê Văn Tr giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng : Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Ông Tr có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ông Tr kháng cáo

không thừa nhận nợ chung và không đồng ý liên đới trả nợ. Xét thấy, việc vay tiền của chị Nhi là do chị T thực hiện, chị T không có chứng cứ gì để chứng minh sử dụng dụng chung cho gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị T có trách nhiệm trả nợ.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Tr, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn Lê Văn Tr có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí đúng pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn Lê Văn Tr và Trần Thị Thanh T là vợ chồng, nguyên đơn khởi kiện vợ chồng bị đơn phải liên đới trả số tiền vay là 235.000.000 đồng cùng lãi phát sinh. Nguyên đơn chứng minh bằng 02 tờ “giấy xác nhận nợ và trả nợ”. Đây là tờ giấy đánh máy chứa trống nội dung thông tin của bên A, bên B và số tiền để điền vào, cuối giấy xác nhận có bên A Lê Thị Yến Nh và bên B Trần Thị Thanh T ký tên. Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm thì chị Nh và chị T thì đều công nhận nợ và đồng ý trả nợ. Ông Tr thì không đồng ý liên đới trả nợ và kháng cáo bản án.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Lê Văn Tr, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, Chị Nhi và chị T cùng trình bày thống nhất về số tiền vay là 235.300.000 đồng, bao gồm: lần 1 vào ngày 22/3/2021 vay số tiền 165.000.000 đồng; vay lần 2 vào ngày 25/4/2021, vay số tiền 70.000.000 đồng. Tổng hai lần vay nợ là 235.000.000 đồng và lãi phát sinh đến nay xét xử sơ thẩm là 32.577.500 đồng, chưa trả được số tiền nào cho chị Nh. Đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, do có sự thừa nhận của chị Nh và chị T. Tuy nhiên, ông Tr không thừa nhận nợ và không đồng ý liên đới trả nợ cùng chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm thì ngoài 02 tờ giấy xác nhận nợ và trả nợ (bút lục số 44-45) thì các đương sự không có chứng cứ nào khác để chứng minh. Tòa án sơ thẩm đã căn cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ và xác định số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và ông Tr, chị T vay nợ để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình và đã căn cứ điều 24,25, 26 và khoản 1 Điều 27 để buộc ông Tr có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng chị T. Quá trình kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm thì người đại diện theo ủy quyền của ông Tr có nộp bổ sung chứng cứ mới là các biên bản xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đối với cán bộ công chức tư pháp - Hộ tịch của Ủy ban nhân

dân xã Nhị Quý ,thị xã Cai Lậy; Xác minh hoàn cảnh sống và hiện trạng nhà cửa, tài sản của ông Tr và chị T tại địa phương. Căn cứ các tài liệu chứng cứ do người đại diện theo ủy quyền của ông Tr giao nộp thì thấy rằng: Các hộ dân lân cận ở lối xóm (04 người) của vợ chồng ông Tr trong phạm vi bán kính từ 500-1000 m trình bày: “*Khi bà T về chung sống với ông Tr , chúng tôi nhận thấy gia đình ông, bà hạnh phúc (hai ông bà sống chung hơn 10 năm). Trước khi sống chung với bà T, ông Tr có một đời vợ và hai người con riêng, nhưng hai người con này sống với cha, mẹ ông Tr. Bà T – ông Tr ở riêng và có 02 người con chung. Quá trình chung sống với bà T thì vợ chồng ông bà nuôi cá (khoảng 3-4 công) do mướn đất và nuôi bò (khoảng 6 con). Sau khi làm lộ tuyến tránh thị xã Cai lậy ông Tr không nuôi cá nữa mà chuyển qua nuôi bò như trình bày. Chi phí nuôi cá cụ thể: Tiền mướn đất khoảng 3.000.000 đồng/năm/1 công; chi phí cất đìa và cá giống khoảng 10.000.000 đồng/công; Chi phí nuôi bò, bắt bò giống khoản trên 10.000.000 đồng/con. Ngoài ra chúng tôi không nghe vợ chồng ông Tr còn làm ăn gì khác. Trước đây, khoảng năm 2014-2015 khi làm tuyến tránh Cai Lậy, ông Tr được bồi thường số tiền hơn 400 triệu đồng (gồm tiền bồi thường đất và cá nuôi) ông Tr có làm heo cúng mời chúng tôi vô mừng trả hết nợ. Khoảng 2 năm nay vợ chồng ông Tr không còn sống chung. Chúng tôi nghe nói vợ chồng ông Tr vỡ nợ với số tiền khoảng 5-6 tỷ đồng. Chúng tôi không rõ nguyên nhân việc bể nợ là do vợ hay chồng. Vợ ông Tr là giáo viên dạy tiểu học, chủ nợ của bà T chủ yếu là đồng nghiệp của bà T và một số là bà con lối xóm của bà T (các chủ nợ là bà con với bà T)”. Xét thấy, qua xem xét đánh giá toàn bộ chứng cứ đã thu thập trong quá trình thụ lý giải quyết ở giai đoạn phúc thẩm thì thấy rằng: Vợ chồng ông Tr - bà T chung sống với nhau khoảng 10 năm, nghề nghiệp chính của ông Tr là trồng trọt (trồng dưa) và chăn nuôi ( cá, bò) quy mô nhỏ ở nông thôn; bà T là giáo viên tiểu học tại địa phương; Căn nhà và vật dụng trong nhà đều là những tài sản phục vụ nhu cầu cuộc sống hàng ngày, tài sản không có giá trị lớn; Số lượng vật nuôi và cây trồng cũng không nhiều. Nay số nợ phát sinh trên 5 tỉ đồng (Tổng số các khoản nợ hiện nay) mà bà T cho rằng vay vốn để phục vụ cho nhu cầu của gia đình là không có cơ sở. Xét 02 tờ giấy xác nhận nợ và trả nợ (bút lục 44-45) do chị Nh cung cấp là tờ giấy đánh máy sẵn chừa trống thông tin cá nhân để điền vào, cùng nội dung “*Qua đối chiếu xác nhận, hai bên thống nhất xác nhận tính đến ngày ... tháng .... Năm... còn nợ tổng số tiền...*” cuối tờ giấy xác nhận này có chữ ký của chị Nhi và chị T, không thể hiện chữ ký của ông Tr. Cho nên, không có cơ sở để buộc ông Tr có trách nhiệm liên đới trả nợ. Từ những căn cứ trên, xét kháng cáo của ông Tr là có cơ sở, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và sửa một phần bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự theo hướng buộc Chị T chịu trách nhiệm cá nhân trả nợ cho chị Nh.*

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Tr, nên ông Tr không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Chị Yến Nh phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch đối với việc yêu cầu ông Tr liên đới trả nợ không được Tòa án phúc thẩm chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Tr. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về trách nhiệm trả nợ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Yến Nh.

- Buộc chị Trần Thị Thanh T phải có nghĩa vụ cho chị Lê Thị Yến Nh số tiền vay là 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 32.577.500 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm đồng). Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị Yến Nh có đơn yêu cầu gửi cơ quan thi hành án, nếu bị đơn chị Trần Thị Thanh T chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Yến Nh về việc yêu cầu ông Lê Văn Tr phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ.

4. Về án phí:

- Ông Lê Văn Tr không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do ông Tr nộp theo biên lai thu số 0002660 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang .

- Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 13.378.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị Yến Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 6.918.000 đồng tạm ứng án phí do chị Nhi nộp theo biên lai thu số 0002439 ngày 28/3/2022 của Chi cục thi hành án Thị xã Cai Lậy, nên được hoàn lại số tiền 6.618.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Đạt**